

Thứ tư, ngày 15 tháng 11 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index nổi tiếp đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/11/2023		•	
Tuần 13/11-17/11/2023		•	
Tháng 11/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường bật tăng ngay từ lúc mới mở cửa phiên sáng. Khi đến ngưỡng 1,130, VN-Index gặp phải lực bán tại đây và quay đầu trở về kết phiên tại mốc 1,122.5 điểm, tăng gần 13 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Thực phẩm và đồ uống dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ngân hàng, Ô tô và phụ tùng, Dịch vụ tài chính,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, áp lực chốt lời có thể khiến VN-Index trải qua một vài phiên rung lắc tại ngưỡng 1,120.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+12.77** điểm, đóng cửa **1122.5** điểm. HNX-Index **+0.45** điểm, đóng cửa **227.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.37)**, **BID (+1.46)**, **MSN (+1.17)**, **VNM (+0.94)**, **VPB (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.06)**, **PVD (-0.06)**, **POW (-0.06)**, **CTD (-0.04)**, **VGC (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,328** tỷ đồng, tăng **26.78%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,655 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.93 điểm. Thị trường có **414** mã tăng, **87** mã tham chiếu, **122** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **241.58** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (84.71 tỷ)**, **VCB (72.73 tỷ)**, **DXG (53.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.72** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.70%**. Các mã diễn biến tích cực: **MSN (+5.11%)**, **VHC (+3.99%)**, **BID (+2.67%)**
- BSC50 **+0.60%**. Các mã diễn biến tích cực: **PET (+4.17%)**, **BCM (+3.33%)**, **ANV (+3.07%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Thực phẩm và đồ uống	2.53%	Du lịch và Giải trí	0.50%
Ngân hàng	1.50%	Y tế	0.50%
Ô tô và phụ tùng	1.22%	Hàng cá nhân & Gia	0.42%
Dịch vụ tài chính	1.15%	Bảo hiểm	0.30%
Bán lẻ	0.96%	Tài nguyên Cơ bản	0.01%
Bất động sản	0.95%	Xây dựng và Vật liệu	-0.07%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.87%	Công nghệ Thông	-0.17%
Dầu khí	0.67%	VN30	1.13%
Hóa chất	0.65%	VNSML	1.00%
Truyền thông	0.64%	VNMID	0.32%
Hàng & Dịch vụ CN	0.50%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1122.50**

Giá trị: 18328.48 tỷ **12.77 (1.15%)**

Khối ngoại (ròng): 241.58 tỷ

HNX-INDEX **227.88**

Giá trị: 2059.46 tỷ **0.45 (0.2%)**

Khối ngoại (ròng): -5.72 tỷ

UPCOM-INDEX **87.00**

Giá trị: 525.69 tỷ **0.35 (0.4%)**

Khối ngoại (ròng): -49.65 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	82.3	-0.28%
Giá vàng	1,964	0.92%
Tỷ giá USD/VND	24,281	-0.40%
Tỷ giá EUR/VND	26,405	-0.45%
Tỷ giá JPY/VND	161.19	-0.52%
LS liên NH 1 tháng	1.60%	0.26%
LS TPCP 5 năm	2.04%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	84.71	VHM	-57.34
VCB	72.73	STB	-52.98
DXG	53.80	VIC	-40.63
DGC	45.74	MWG	-39.82
KDH	41.73	SAB	-2.82

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 15/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.22	-0.06%	1.09%	-8.26%	-8.54%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.29	-0.28%	0.84%	-6.77%	-11.27%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.23	-0.41%	2.73%	-1.37%	-10.00%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.10	-2.94%	-1.18%	-10.81%	-49.49%		
TTF Gas	EUR/MWh	47.61	-0.55%	3.37%	-1.77%	-61.64%		
Vàng	Ounce	1,963.86	0.92%	-0.23%	2.31%	10.44%		PNJ
Bạc	Ounce	23.11	3.60%	2.26%	2.25%	7.29%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,386.00	1.41%	2.76%	7.76%	-4.89%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.14	0.12%	0.47%	1.96%	-18.34%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	147.50	0.68%	0.89%	-0.41%	12.68%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.18	-1.91%	-1.49%	0.48%	33.96%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	392.50	0.00%	-3.09%	-4.85%	-34.03%		DPM, DCM
Niken	LB	17,167.00	0.00%	-2.82%	-6.34%	-43.12%		PC1
Đồng	LB	3.67	0.42%	0.09%	2.56%	-3.88%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,100.00	0.00%	-7.49%	-29.05%	-20.57%		CSV
Thép	CNY/ton	3,862.00	-0.67%	0.89%	7.61%	4.60%		HPG
Nhôm	Ton	2,228.00	0.20%	-1.63%	2.18%	-8.50%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 14/11, dầu thô Brent giảm 0.28% xuống 82.29 USD/thùng, thấp hơn 84.58 USD mức đóng cửa ngày 6/10 một ngày trước khi Hamas tấn công Israel. Dầu WTI ổn định tại 78.22 USD/thùng.
- Giá dầu không đổi do dấu hiệu căng thẳng tại Trung Đông có thể dịu đi và tình trạng không chắc chắn về dự trữ dầu của Mỹ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.92% lên 1,963.86 USD/ounce, có phiên tốt nhất kể từ ngày 27/10. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 đóng cửa tăng 0.8% lên 1,966.5 USD/ounce.
- Giá vàng tăng 1% do USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm sau khi số liệu lạm phát tiêu dùng của Mỹ thấp hơn dự kiến.

Quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 1/2024 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 0.3% lên 965.5 CNY (132.39 USD)/tấn. Tại Singapore, hợp đồng quặng sắt giao tháng 12 giảm 0.8% xuống 127.1 USD/tấn.
- Giá quặng sắt tăng do nhà đầu tư cân nhắc các biện pháp kích thích liên quan tới lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc và sự sụt giảm trong nhập khẩu do nhu cầu thép yếu hơn.

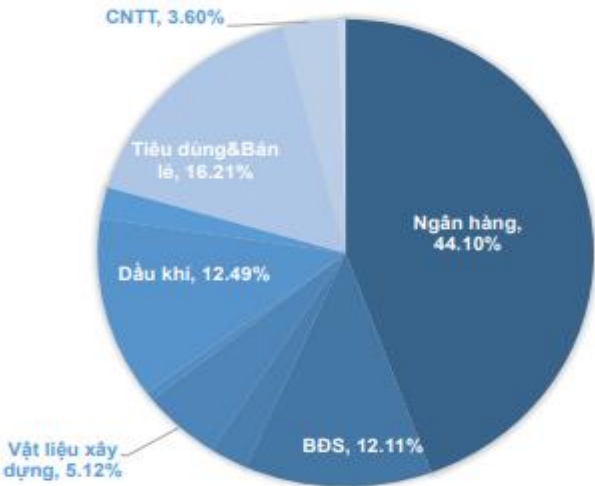
Giá hàng hóa khác

- Hợp đồng cao su giao tháng 4/2024 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 2.1 JPY hay 0.8% lên 269.8 JPY (1.78 USD)/kg.
- Giá cà phê kỳ hạn tháng 3/2024 đóng cửa giảm 1.8 US cent hay 1.0% xuống 1.714 USD/lb.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	87.7	2.0%	1.0	20,104	14.6	5,797	15.1	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	44.2	2.7%	0.7	9,160	2.6	4,025	11.0	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.0	1.8%	1.0	6,492	14.7	1,727	11.6	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	31.6	0.2%	1.5	4,551	4.8	5,059	6.2	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.6	0.5%	1.2	3,967	10.3	3,496	5.3	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.0	0.0%	0.9	2,320	20.4	3,600	8.3	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	19.8	0.8%	1.6	3,257	2.1	714	27.8	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	30.7	-0.2%	1.6	967	9.4	4,368	7.0	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	49.0	0.0%	1.4	663	4.9	3,969	12.3	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	50.3	-0.6%	1.7	925	1.3	2,651	19.0	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.0	0.0%	1.8	6,439	38.3	(328)	-82.3	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	41.4	1.1%	1.6	7,403	14.6	10,341	4.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	24.1	0.4%	1.3	2,246	3.9	1,588	15.2	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	32.0	0.0%	1.7	1,048	2.8	1,280	25.0	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	36.7	-0.8%	1.3	578	5.1	1,582	23.2	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	94.0	0.5%	1.5	1,464	7.4	10,728	8.8	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	32.8	0.8%	0.9	526	3.2	6,403	5.1	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	31.1	-0.5%	1.2	675	4.1	4,286	7.3	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	80.1	1.3%	0.7	7,546	2.7	5,567	14.4	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	34.0	1.5%	0.9	1,772	1.7	2,125	16.0	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	36.9	-0.8%	1.2	723	9.2	1,953	18.9	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.0	-1.6%	1.2	614	5.6	449	60.0	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.8	-0.8%	0.8	1,129	4.7	602	19.5	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	70.7	2.6%	0.6	6,060	11.5	3,935	18.0	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	65.8	5.1%	1.4	3,862	10.4	916	71.8	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	41.9	1.0%	1.6	2,514	17.8	1,069	39.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.3	0.3%	0.7	1,053	0.7	5,503	14.2	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	73.0	4.0%	0.8	560	4.3	7,080	10.3	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	71.1	0.1%	0.6	892	2.9	7,470	9.5	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	92.4	-0.2%	0.7	4,813	9.2	4,573	20.2	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.2	1.30%	0.9	5,953	6.7	3,664	8.2	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	23.2	2.4%	0.9	3,704	30.8	3,722	6.2	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.9	0.8%	0.8	2,242	7.8	2,765	6.8	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.7	0.0%	0.8	1,647	1.5	1,410	11.1	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.6	0.3%	1.3	2,045	4.3	3,534	5.6	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	20.5	0.5%	1.9	1,024	19.4	467	43.9	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.7	1.7%	1.1	1,598	7.1	2,697	6.6	1.3	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	32.0	0.6%	1.4	1,964	35.3	1,090	29.3	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.0	-0.6%	1.9	222	7.1	318	53.5	6.8	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.8	-0.8%	1.7	0	1.1	445	26.5	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	61.8	-2.5%	1.4	252	9.3	681	90.7	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.4	-0.6%	1.4	207	6.2	919	16.7	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.8	-0.4%	2.0	92	2.4	482	24.6	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	62.0	3.3%	0.7	2,632	1.3	418	148.4	3.6	2.7%	1.7%
HUT	KCN	20.1	1.0%	1.3	736	4.7	56	355.7	4.9	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.0	1.1%	1.2	261	0.8	6,568	7.1	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	38.0	0.0%	1.6	187	1.9	1,405	27.0	2.8	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.5	-0.9%	1.9	543	14.4	(2,105)	-10.2	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.4	0.8%	1.3	193	0.2	176	70.2	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	21.4	-0.7%	2.1	232	15.0	(2,655)	-8.1	1.1	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.0	0.0%	0.7	159	0.4	5,309	10.9	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.3	0.4%	1.7	79	1.2	1,482	17.1	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	16.2	0.9%	1.8	1,300	20.0	(295)	-55.0	0.8	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	20.1	0.8%	2.6	503	19.7	(317)	-63.4	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	33.8	-1.2%	1.5	187	4.8	2,190	15.4	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	24.8	0.4%	2.4	622	26.0	152	163.2	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	13.6	0.7%	1.7	141	1.1	1,597	8.5	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.3	0.5%	1.5	0	5.6	1,596	12.1	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.3	0.0%	0.7	336	4.1	2,993	8.5	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.1	0.7%	1.3	100	0.2	1,353	22.2	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	22.8	0.0%	0.8	111	0.2	1,980	11.5	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	58.3	0.7%	0.7	977	0.7	6,445	9.0	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.2	0.2%	1.7	775	17.1	384	57.7	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.0	0.2%	0.6	295	0.9	2,560	9.8	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	28.2	0.7%	1.5	353	1.4	2,739	10.3	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	30.2	0.8%	1.5	335	3.2	944	32.0	1.5	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.3	0.4%	0.7	186	0.2	636	20.9	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.6	0.6%	2.5	189	2.6	(79)	-110.0	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	63.2	1.9%	0.4	3,325	3.4	3,518	18.0	3.3	62.3%	18.7%
QNS	F&B	47.2	-0.2%	0.4	0	0.9	4,965	9.5	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	104.9	0.9%	1.0	586	1.6	(327)	-320.5	8.9	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	51.0	1.2%	2.0	350	2.3	2,984	17.1	3.8	23.6%	21.9%
DBC	F&B	22.9	-0.9%	1.8	227	6.8	551	41.6	1.2	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.0	4.2%	2.2	109	0.9	837	29.9	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.8	-1.0%	0.4	152	2.9	1,225	21.1	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	30.2	3.1%	1.4	165	3.1	2,162	14.0	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	27.7	0.7%	0.6	152	1.0	1,370	20.2	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	33.9	-0.4%	1.0	147	3.1	5,742	5.9	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	80.0	0.6%	1.1	375	0.6	4,238	18.9	5.6	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.2	2.1%	1.1	89	1.7	2,353	8.2	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639